

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 1408/2017/DS-ST

Ngày 16/10/2017

V/v tranh chấp thừa kế

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Ngọc Thạch

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Long

Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thanh Thảo Linh, thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Kiên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và 16 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 463/2013/DSST ngày 22 tháng 11 năm 2013 về việc “Tranh chấp thừa kế”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 1732/2017/QĐST, ngày 10 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 4806/2017/QĐST – DS ngày 07/9/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ông Võ Tuấn Kiến H, sinh năm 1957**

Địa chỉ: 33/76 TBT, Phường F, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

Bị đơn: **Ông Võ Tuấn Thuận H2, sinh năm 1955**

Địa chỉ: 33/76 TBT, Phường F, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Võ Thị Huệ M, sinh năm 1952 (Có mặt).

Địa chỉ: 666/4 VVK, Phường O, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Võ Thị Bích M2, sinh năm 1947

Địa chỉ: C2/47D TL, ấp T xã P, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

3. Bà Võ Thị Liên M3, sinh năm 1951

Địa chỉ: CHASERNWEG 37-8302- KLOTEN SWITZERLAND.

Đại diện ủy quyền: ông Võ Tuấn Kiến H. Có mặt.

4. Ông Võ Tuấn Nghĩa H3, sinh năm 1953

Địa chỉ: 8972- 148 ST- SURRCY, BC- V3R- 3W4- CANADA

Đại diện ủy quyền: Bà Võ Thị Huệ M. Có mặt.

5. Bà Thạch Thị Bích T, sinh năm 1962 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: 33/76 TBT, Phường F, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Ông Võ Tuấn H4, sinh năm 1985 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: 33/76 TBT, Phường F, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Bà Võ Thị Ngọc H5, sinh năm 1993 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: 33/76 TBT, Phường F, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Bà Cao Lệ X, sinh năm 1957

Địa chỉ: 301/65 HN, X. HN, H. CL, T. BT.

9. Ông Cao Văn T2, sinh năm 1959

Địa chỉ: 2/9 (lầu 2, phía sau) KĐ, Phường N, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

10. Bà Cao Thu N, sinh năm 1960

Địa chỉ: 424 Khu phố 8; ấp HĐ, thị trấn ĐQ, huyện ĐQ, tỉnh ĐN.

11. Bà Nguyễn Thị Bé S, sinh năm 1964

Địa chỉ: 388/22 LH, xã LT, H. CL, T. BT.

12. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1966

Địa chỉ: 116/68 LQ, xã LT, huyện chợ L, tỉnh BT.

13. Bà Nguyễn Thị Bé T2, sinh năm 1968

Địa chỉ: 305/74 SP, xã SĐ, H. CL, Tỉnh BT.

14. Bà Nguyễn Thị Thu T4, sinh năm 1972

Địa chỉ: 270/38 ấp TT, xã HKT, H. CL, T. BT.

Các ông bà X, T2, Nga, Bảy, Bé S, Bé T2, Thu T4 cùng ủy quyền cho ông Nguyễn Văn M4, sinh năm 1975. Có mặt.

15. Ông Nguyễn Văn M4, sinh năm 1975. Có mặt.

Địa chỉ: 410/ 22 LH, X. LT, H. CL, T. BT.

16. Bà Dương Thị H5, sinh năm 1954

Địa chỉ: 65 HT, X. H, H.H, T. LA.

17. Ông Dương Thanh Q, sinh năm 1956

Địa chỉ: 259 LH, X. LT, H. CL, T. BT.

18. Ông Dương Thanh L, sinh năm 1959

Địa chỉ: 247/22 LH, X. LT, H, CL, T. BT.

19. Ông Dương Thanh H6, sinh năm 1962

Địa chỉ: 264/22 LH, X. LT, H, CL, T. BT.

20. Ông Dương Thanh T5, sinh năm 1964

Địa chỉ: HT, HH, TH, LA.

21. Ông Dương Thanh N2, sinh Năm, 1966

Địa chỉ: 482/22 LH, X. LT, H, CL, T. BT.

Các ông bà Huệ, Q, L, Hòa, T5, N2 cùng ủy quyền cho ông Dương Thanh Kiệt, sinh năm 1968. Có mặt.

22. Ông Dương Thanh K, sinh năm 1968 Có mặt.

Địa chỉ: 248/22 LH, X. LT, H, CL, T. BT.

23. Bà Nguyễn Thị H7, sinh năm 1958 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: 33/76 TBT, Phường F, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 10 năm 2013, các bản tự khai và biên bản làm việc tại tòa án, nguyên đơn ông Võ Tuấn Kiến H trình bày:

Nguồn gốc căn nhà 33/76 TBT, Phường F, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh là của cha mẹ ông Kiến H là ông Võ Tuấn Năm (chết năm 1994) và bà Vương Thị Tính (chết năm 2011) để lại, có lập tờ chúc ngôn được Ủy ban nhân dân Phường 24, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh chứng thực ngày 12/10/1984.

Trước khi kết hôn với bà Vương Thị Tính, ông Võ Tuấn Năm có sống chung với bà Đoàn Thị Nhự (chết năm 1978, không có lập chứng tử) có hai con chung là bà Võ Thị Tề, sinh năm 1936 (chết năm 2012) và bà Võ Thị Sang, sinh năm 1935 (chết năm 2012).

Bà Tề chết có những người thừa kế gồm: Dương Thị H5, sinh năm 1954; Dương Thanh Q, sinh năm 1956; Ông Dương Thanh L, sinh năm 1959; Ông Dương Thanh H6, sinh năm 1962; Ông Dương Thanh T5, sinh năm 1964; Ông Dương Thanh N2, sinh năm 1966; Ông Dương Thanh K, sinh năm 1968.

Bà Sang chết có những người thừa kế gồm: Bà Cao Lệ X, sinh năm 1957; Ông Cao Văn T2, sinh năm 1959; Bà Cao Thu N, sinh năm: 1960; Bà Nguyễn Thị Bé S, sinh năm 1964; Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1966; Bà Nguyễn Thị Bé T2, sinh năm 1968; Bà Nguyễn Thị Thu T4, sinh năm 1972; Ông Nguyễn Văn M4, sinh năm 1975.

Căn nhà trên vẫn giữ nguyên hiện trạng như từ khi ông Năm, bà Tính mất, không có ai xây dựng hay sửa chữa gì thêm.

Hiện nay tại căn nhà tranh chấp có gia đình ông Kiến H là nguyên đơn và gia đình ông Thuận H2 là bị đơn cùng cư ngụ, bao gồm các nhân khẩu:

- Võ Tuấn Kiến H, sinh năm 1957
- Bà Nguyễn Thị H7, sinh năm 1958 (vợ ông Kiến H)
- Ông Võ Tuấn Thuận H2, sinh năm 1955
- Bà Thạch Thị Bích T, sinh năm 1962
- Ông Võ Tuấn H4, sinh năm 1985
- Bà Võ Thị Ngọc H5, sinh năm 1993
- Trẻ Võ Tuấn N2, sinh năm 2017 (con ông Tuấn H4)

Ông Kiến H đề nghị phát mãi căn nhà trên để chia thừa kế cho những người được hưởng thừa kế tính trên giá trị của di sản theo quy định của pháp luật. Theo biên bản định giá ngày 29/4/2016 thì giá trị tài sản tranh chấp là

4.255.734.786 đồng. Đề nghị Tòa án căn cứ kết quả này để giải quyết vụ án, ông Kiến H không yêu cầu định giá lại.

Nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế đối với căn nhà này cho các con của ông Năm, bà Tính gồm 6 người là: Võ Tuấn Kiến H, sinh năm 1957; Võ Thị H5 M, sinh năm 1952; Võ Thị Bích M2, sinh năm 1947; Võ Thị Liên M3, sinh năm 1951; Võ Tuấn Nghĩa H3, sinh năm 1953; Võ Tuấn Thuận H2, sinh năm 1955.

Mỗi người sẽ được nhận 1/6 giá trị nhà tranh chấp. Ngoài 6 người này không còn ai được hưởng thừa kế trong căn nhà trên. Nguyên đơn yêu cầu được nhận giá trị phần thừa kế của mình trong nhà trên.

Trong trường hợp không có ai trong các đồng thừa kế đứng ra nhận căn nhà và thanh toán lại cho các đồng thừa kế khác thì đề nghị phát mãi tài sản để giao lại cho các bên theo trị giá kỷ phần thừa kế được hưởng.

Về các người con của bà Võ Thị S và Võ Thị T nếu theo quy định của pháp luật những người này có quyền thừa kế tài sản trên thì nguyên đơn đồng ý chia di sản theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Võ Tuấn Thuận H2 trình bày:

Ông thống nhất với trình bày của nguyên đơn về quan hệ nhân thân và nguồn gốc di sản là căn nhà 33/76 TBT, Phường F, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Thuận H2 không đồng ý chia di sản theo yêu cầu của nguyên đơn do cha mẹ (ông Năm và bà Tính) khi chết đi có để lại chúc ngôn với nội dung như sau:

“Để cho các con gái và con trai có tên sau đây: Võ Thị H5 M, Võ Tuấn Kiến H, Võ Tuấn Thuận H2 để ở. Năm 1968 (mậu thân) tôi bị cháy nhà số nói trên, đến năm 1972, con gái tôi là Võ Thị Liên M3 ở Thụy Sĩ gửi tiền về cho vợ chồng tôi xây cất làm cái nhà để hương khói và cúng quả cho vợ chồng tôi và một điều là không người con nào được quyền bán hay cho mượn căn nhà này.

Sau khi vợ chồng tôi chết rồi con gái hay con trai ở căn nhà này là người từ hương khói và cúng quả vợ chồng tôi”.

Theo biên bản định giá ngày 29/4/2016 thì giá trị tài sản tranh chấp là 4.255.734.786 đồng. Đề nghị Tòa căn cứ kết quả này để giải quyết vụ án, không yêu cầu định giá lại.

Hiện nay tại căn nhà tranh chấp có gia đình ông Kiến H và gia đình ông Thuận H2 cùng cư ngụ, bao gồm các nhân khẩu:

- Võ Tuấn Kiến H, sinh năm 1957
- Bà Nguyễn Thị H7, sinh năm 1958 (vợ ông Kiến H)
- Ông Võ Tuấn Thuận H2, sinh năm 1955
- Bà Thạch Thị Bích T, sinh năm 1962
- Ông Võ Tuấn H4, sinh năm 1985
- Bà Võ Thị Ngọc H5, sinh năm 1993
- Trẻ Võ Tuấn N2, sinh năm 2017 (con ông Tuấn H4)

Đề nghị Tòa án công nhận và thực hiện theo Tờ chúc ngôn lập ngày 12/10/1984 do ông Võ Tuấn N và bà Vương Thị T lập, được Ủy ban phường 24, Quận 5 xác nhận.

Bị đơn không đồng ý chia di sản thừa kế trên, nhưng trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc chia thừa kế thì chỉ đồng ý chia cho ba người có tên trong tờ chúc ngôn ông Thuận H2 đề nghị được ưu tiên nhận nhà và sẽ thanh toán lại giá trị kỷ phần của di sản cho bà Võ Thị H5 M và ông Võ Tuấn Kiến H. Ông Thuận H2 không đồng ý phát mãi nhà chia đều cho các bên, do đây là tài sản giữ lại thờ cúng trong gia đình.

Hiện nay bản chính giấy tờ nhà và bản chính Tờ chúc ngôn trên do ông Thuận H2 đang giữ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Liên M3 có ông Võ Tuấn Kiến H là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ông giữ nguyên các ý kiến đã trình bày như trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Võ Thị Huệ M trình bày:

Bà Huệ M là người liên quan trong vụ án đồng thời là đại diện theo ủy quyền cho ông Võ Tuấn Nghĩa H3 có ý kiến như sau:

Bà thống nhất với ý kiến trình bày của nguyên đơn về nguồn gốc nhà tranh chấp và quan hệ nhân thân, hàng thừa kế của ông Võ Tuấn N và bà Vương Thị T.

Đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế là nhà và đất tại địa chỉ 33/76 TBT, Phường F, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật. Bà Huệ M không xác định được phần di sản được nhận là bao nhiêu phần trong khối di sản chung.

Trường hợp ông Thuận H2 đề nghị ưu tiên mua lại nhà tranh chấp và thanh toán giá trị kỷ phần cho các đồng thừa kế khác thì bà đồng ý. Nếu ông Thuận H2 không có khả năng thanh toán lại giá trị cho các đồng thừa kế khác thì đề nghị Tòa án phát mãi tài sản để chia cho các đồng thừa kế.

Căn nhà trên vẫn giữ nguyên hiện trạng như từ khi ông N, bà T mất, không có ai xây dựng hay sửa chữa gì thêm. Theo biên bản định giá ngày 29/4/2016 thì giá trị tài sản tranh chấp là 4.255.734.786 đồng. Đề nghị Tòa căn cứ kết quả này để giải quyết vụ án, tôi không yêu cầu định giá lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Võ Thị Bích M2 trình bày:

Bà thống nhất với ý kiến trình bày của nguyên đơn về nguồn gốc nhà tranh chấp và quan hệ nhân thân, hàng thừa kế của ông Võ Tuấn N và bà Vương Thị T.

Đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế là nhà và đất tại địa chỉ 33/76 TBT, Phường F, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh thành 6 phần cho 6 đồng thừa kế là Võ Tuấn Kiến H, sinh năm 1957; Võ Thị Huệ M, sinh năm 1952; Võ Thị Bích M2, sinh năm 1947; Võ Thị Liên M3, sinh năm 1951; Võ Tuấn

Nghĩa H3, sinh năm 1953; Võ Tuấn Thuận H2, sinh năm 1955. Mỗi người sẽ nhận 1/6 giá trị tài sản tranh chấp.

Trường hợp ông Thuận H2 đề nghị ưu tiên mua lại nhà tranh chấp và thanh toán giá trị kỷ phần cho các đồng thừa kế khác thì bà đồng ý. Nếu ông Thuận H2 không có khả năng thanh toán lại giá trị cho các đồng thừa kế khác thì đề nghị Tòa án phát mãi tài sản để chia cho các đồng thừa kế.

Theo biên bản định giá ngày 29/4/2016 thì giá trị tài sản tranh chấp là 4.255.734.786 đồng. Đề nghị Tòa căn cứ kết quả này để giải quyết vụ án, không yêu cầu định giá lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Dương Thanh K trình bày:

Ông là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án, đồng thời là đại diện theo ủy quyền cho các ông bà Huệ, Q, L, H6, T5, N2.

Ông Dương Thanh K thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn về nguồn gốc nhà tranh chấp và quan hệ nhân thân, hàng thừa kế của ông Võ Tuấn Năm, bà Vương Thị Tính.

Ông K và những người do ông đại diện theo ủy quyền không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với yêu cầu chia thừa kế trên, đề nghị Tòa án căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Văn M4 trình bày:

Ông là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, đồng thời là đại diện theo ủy quyền của các ông bà: T, X, N, Bé S, Bảy, Bé T2, T1, T4.

Ông M và những người do ông đại diện theo ủy quyền không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với yêu cầu chia thừa kế trên, đề nghị Tòa án căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Bà Nguyễn Thị H7 trình bày:

Bà là vợ ông Võ Tuấn Kiến H, hiện đang cư ngụ tại địa chỉ 33/76 TBT, Phường F, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Đối với tranh chấp trong gia đình chồng thì bà H7 không biết, cũng không có ý kiến hay yêu cầu độc lập nào. Bà H7 hoàn toàn thống nhất với phần trình bày của chồng là ông Võ Tuấn Kiến H và đề nghị được vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Thạch Thủy Bích T, Bà Võ Thị Ngọc H5, ông Võ Tuấn H4 trình bày:

Các ông bà là vợ và con của ông Võ Tuấn Thuận H2 đang ở trong căn nhà tranh chấp cùng với ông Thuận H2, không có yêu cầu gì trong quan hệ tranh chấp di sản thừa kế giữa ông Thuận H2 và các đồng thừa kế khác.

Tại phiên tòa sơ thẩm;

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các ý kiến đã trình bày tại các buổi làm việc.

Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và giữ nguyên ý kiến đã trình bày trước đây.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý, xét xử vụ án đúng quy định; Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ theo các quy định của pháp luật về thừa kế, xét thấy chúc ngôn của ông Võ Tuấn N và bà Vương Thị T lập ngày 09 tháng 10 năm 1984, được Ủy ban nhân dân Phường 24, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh chứng thực ngày 12/10/1984 là hợp pháp và đã được các con của ông Năm, bà Tính, các con của bà T, bà S cùng thừa nhận. Do chúc ngôn nói trên là hợp pháp và đã định đoạt di sản là căn nhà 33/76 TBT, Phường F, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh dùng vào việc thờ cúng, do vậy yêu cầu của nguyên đơn về việc chia thừa kế theo pháp luật đối với căn nhà trên là không có căn cứ, đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn, ông Võ Tuấn Kiến H khởi kiện yêu cầu chia thừa kế căn nhà 33/76 TBT, Phường F, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh là của cha mẹ ông Kiến H là ông Võ Tuấn N (chết năm 1994) và bà Vương Thị Th (chết năm 2011) để lại, có tờ chúc ngôn được Ủy ban nhân dân Phường 24, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận ngày 12/10/1984. Nguyên đơn ông Võ Tuấn Kiến H khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật và được Tòa án thụ lý vụ án ngày 22 tháng 11 năm 2013 còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Do vụ án có những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cư trú ở nước ngoài (Bà Võ Thị Liên M3, sinh năm 195; Địa chỉ: CHASERNWEG 37-8302-KLOTEN SWITZERLAND và ông Võ Tuấn Nghĩa H3, sinh năm 1953; Địa chỉ: 8972- 148 ST- SURRCY, BC- V3R- 3W4- CANADA) do đó vụ án tranh chấp dân sự thừa kế thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về nội dung, đối tượng tranh chấp là căn nhà 33/76 TBT, Phường F, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản thừa kế của ông Võ Tuấn N (chết năm 1994) và bà Vương Thị T (chết năm 2011) để lại, có tờ chúc ngôn lập ngày 09 tháng 10 năm 1984, được Ủy ban nhân dân Phường 24, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận ngày 12/10/1984; có diện tích xây dựng là 52,74 m², diện

tích sử dụng là 105,48 m² (một trệt, một lầu). Theo bản vẽ của Công ty TNHH Công Hữu lập ngày 10/6/2014, được ủy ban nhân dân Quận N thẩm tra ngày 18/8/2014 thì căn nhà 33/76 TBT, Phường F, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh nằm trên vị trí thửa đất số 54 tờ bản đồ số 5 (BĐĐC), Phường F, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về nguồn gốc: căn nhà 33/76 TBT, Phường F, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh do ông Võ Tuấn N và bà Vương Thị T đứng tên theo giấy phép hợp thức hóa chủ quyền nhà số 1327/GP-UB, do Ủy ban nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/11/1991. Hiện bản chính các giấy tờ nhà đất này do ông Võ Tuấn Thuận H2 quản lý.

[3] Nguyên đơn ông Võ Tuấn Kiến H yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với căn nhà 33/76 TBT, Phường F, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh vì cho rằng đó là di sản của ông Võ Tuấn N và bà Vương Thị T chết để lại. Nguyên đơn thừa nhận trước khi chết, ông N, bà T có lập tờ chúc ngôn, tuy nhiên nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật do bị đơn là ông Thuận H2 giành quyền thờ cúng, anh em sống chung trong căn nhà trên không hòa thuận. Bị đơn không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị tôn trọng tờ chúc ngôn của ông N, bà T đã định đoạt căn nhà chỉ được dùng vào việc thờ cúng.

[4] Xét thấy, chúc ngôn của ông Võ Tuấn N và bà Vương Thị T lập ngày 09 tháng 10 năm 1984, được Ủy ban nhân dân Phường A, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận ngày 12/10/1984. Điều 14 Pháp lệnh thừa kế năm 1990 có quy định: người lập di chúc có thể yêu cầu cơ quan công chứng hoặc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn chứng thực bản di chúc. Điều 627, 628 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 649, 650 Bộ luật dân sự năm 2005 đều có quy định về hình thức của di chúc trong đó có hình thức di chúc bằng văn bản có chứng thực. Tại khoản 3, Điều 626 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3, Điều 648 Bộ luật dân sự năm 2005 đều có quy định quyền của người lập di chúc được dành một phần trong khối di sản để di tặng, thờ cúng.

Căn cứ vào các quy định đã viện dẫn nêu trên, xét thấy chúc ngôn của ông Võ Tuấn N và bà Vương Thị T là hợp pháp và đều được các bên tham gia tổ tụng trong vụ án thừa nhận.

[5] Tại Điều 21 Pháp lệnh thừa kế năm 1990 có quy định: Nếu người lập di chúc có để di sản dùng vào việc thờ cúng thì di sản đó được coi như di sản chưa chia. Khi việc thờ cúng không được thực hiện theo di chúc thì những người thừa kế của người để lại di sản dùng vào việc thờ cúng có quyền hưởng di sản đó.

Tại khoản 1 Điều 645 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 670 Bộ luật dân sự năm 2005 đều có quy định “ trong trường hợp người lập di chúc để lại một phần di sản dùng vào việc thờ cúng thì phần di sản đó không được chia thừa kế...”. Xét thấy, hiện nay hai người được chỉ định trong chúc ngôn là ông Võ Tuấn Thuận H2, Võ Tuấn Kiến H đang ở tại căn nhà trên và

đang thờ cúng cha mẹ là ông N, bà T tại đây. Do đó, yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật của nguyên đơn cũng như những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không có căn cứ để chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại điểm a, khoản 7, điều 27 Nghị quyết 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Theo pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 thì án phí không có giá ngạch là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 648; khoản 1 Điều 670; Điều 675 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ khoản 5 Điều 26; Điều 37; khoản 1 Điều 38, Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Tuấn Kiên H về việc chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của ông Võ Tuấn N và bà Vương Thị T là căn nhà 33/76 TBT, Phường F, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Nguyên đơn ông Võ Tuấn Kiên H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm nộp án phí là 5.000.000 đồng theo hai biên lai thu số 06153 ngày 15/11/2013 (2.500.000 đồng) và số 07719 ngày 24/10/2014 (2.500.000 đồng) của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh; ông Võ Tuấn Kiên H được hoàn trả lại số tiền 4.800.000 đồng (Bốn triệu tám trăm ngàn đồng).

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Thạch Thị Bích T, ông Võ Tuấn H4, bà Võ Thị Ngọc H5, bà Nguyễn Thị H7 vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP HCM;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ (L-30).

THẨM PHÁN

Lưu Ngọc Thạch